

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lâm Thị Loan Em.

- Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-NHGD, ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/1992 (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

HKTT: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Số H, ấp E, xã P, huyện B, Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T: Luật sư Lâm Thị Hằng N – Văn phòng L; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có gửi bài phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Nguyễn Chí M cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P ngày 27/02/2015, sau khi cưới nhau thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau cãi nhau, bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh M. Về con chung, trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung, cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 13/3/2016 và cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, sinh ngày 10/7/2019. Chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Chí K cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Huỳnh Khả H cho chị T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí M không có văn bản cung cấp lời khai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T là Luật sư Lâm Thị Hằng N có bài phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí M.

Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, sinh ngày 10/07/2019 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 13/03/2016 đề nghị Tòa án giao cho anh M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí M, giao Nguyễn Chí K cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Huỳnh Khả H cho chị T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Chí M lần thứ hai nhưng anh M đều vắng mặt, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí M, việc kết hôn giữa các đương sự trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2015, ngày 27/02/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày, chị và anh M sau khi kết hôn sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng ý kiến nên không còn sống chung. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là anh M vắng mặt và không có lời trình bày. Kết quả xác minh cho thấy, chị T và anh M thực tế không còn chung sống với nhau, từ khi chị T nộp đơn khởi kiện đến nay thì anh M biết việc chị T yêu cầu ly hôn vẫn không có ý kiến, yêu cầu gì. Xét thấy, chị T và anh M không còn quan tâm, lo lắng, thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Chí M.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Nguyễn Chí M có hai người con, cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 13/3/2016 và cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, sinh ngày 10/7/2019. Chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Chí K cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Huỳnh Khả H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Chí K do anh M nuôi dưỡng, cháu Khả H do chị T nuôi dưỡng, anh M và chị T đều có việc làm ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con nên cần ổn định cuộc sống cho các cháu, thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí K. Về cấp dưỡng nuôi con, không ai có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết vụ án như trên là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Chí M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, sinh ngày 10/7/2019 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 13/3/2016 cho anh Nguyễn Chí M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Nguyễn Chí M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0003986 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị T đã nộp xong án phí. Anh Nguyễn Chí M không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn P, huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng